TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TỪ SƠN** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21/7/2022
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TỪ SƠN, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Xuân Hải, ông Lê Văn Bắc.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đình Thành - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Từ Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 139/2022/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 2001; Nơi cư trú: Khu phố M, phường H, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

Bị đơn: Anh Đàm Thế C, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Khu phố M, phường H, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị kết hôn với anh Đàm Thế C trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh vào ngày 16/01/2019. Quá trình chung sống không hòa thuận, hạnh phúc. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Anh C không chịu làm ăn, suốt ngày ham chơi, không chăm lo cho vợ con. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 4 năm 2021 đến nay. Anh C cũng không quan tâm, chăm sóc. Chị xác định không thể tiếp tục chung sống nên xin ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Đàm Thế S sinh ngày 09/11/2020. Cháu S đang ở cùng với anh C và ông bà nội. Khi ly hôn, anh C là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu S. Cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án

giải quyết. Hiện tại chị không có thai. Chị đang đi làm công nhân ở khu công nghiệp Đông Thọ, Yên Phong, Bắc Ninh. Thu nhập 9.000.000 đồng/tháng.

Tài sản chung, công nợ: không có.

Tại bản tự khai, bị đơn là anh Đàm Thế C trình bày: Anh công nhận lời trình bày của chị N về thời điểm kết hôn, tình trạng hôn nhân là đúng. Giữa anh và chị N có nhiều mâu thuẫn, chị N đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Từ đó đến nay, cả hai người không còn quan tâm nhau nữa. Chị N xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung như chị N trình bày là đúng. Anh đồng ý nuôi con chung là cháu S, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại anh đang ở cùng với bố mẹ có công việc và chỗ ở đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ: không có.

Anh C đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt, Tòa án đưa vụ án ra xét xử anh đề nghị xử vắng mặt anh.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải vụ án theo đúng quy định của pháp luật nhưng không hòa giải được, vì vậy Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh C. Anh C là người trực tiếp nuôi cháu Đàm Thế S sinh ngày 09/11/2020. Cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung, công nợ không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Từ Sơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử kể từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến phần tranh luận tại phiên toà là đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị N đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn anh C đã đến Tòa án lấy lời khai, đã xin xét xử vắng mặt nhưng không tham gia vào phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là không thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 BLTTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 232, 235, 262, 266, 271, 273 BLTTDS năm 2015; Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N. Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Đàm Thế C.

Về con chung: Giao anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Đàm Thế S. Về chi phí cấp dưỡng nuôi con: chị N và anh C không yêu cầu

Tòa án giải quyết. Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung.

Về tài sản chung, công nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: chị N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, con chung nên đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp về con chung" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Bị đơn là anh Đàm Thế C trú tại khu phố M, phường H, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

Về việc vắng mặt của bị đơn: Bị đơn là anh C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nhưng đã có đơn xin xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt anh C.

[2] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N kết hôn với anh Đàm Thế C vào năm 2019, quan hệ hôn nhân là tự nguyện, có đăng ký kết hôn và tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân hợp pháp. Cả hai đều thừa nhận khi chung sống không hòa thuận, hạnh phúc. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh C không đến tham gia hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Chị N vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, anh C đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, xử cho chị N được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị N và anh C cùng xác nhận có một con chung là Đàm Thế S sinh ngày 09/11/2020. Hiện tại cháu S đang ở cùng với anh C và ông bà nội tại khu phố M, phường H, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh. Các đương sự đều thống nhất, anh C là người trực tiếp nuôi cháu S. Vì vậy, giao cháu S cho anh C nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của đương sự và quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ: Chị N, anh C đều xác nhận không có nên không xem xét giải quyết.

[3] *Về án phí*: Chị N phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Đàm Thế C.

Giao cháu Đàm Thế S sinh ngày 09/11/2020 cho anh C nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Tài sản chung, công nợ: không có.

Án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo tại biên lai thu số AA/2021/0003615 ngày 30/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Từ Sơn. Chị N đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Từ Sơn;
- TAND, VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cơ quan THADS thành phố Từ Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Hồng Thanh